Chi tiết mã HS 8407.29.20

Mã HS	8407.29.20
Mô tả hàng hóa	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ máy thủy: / - - Loại khác: / - - - Công suất không quá 22,38 kW
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 05:28:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84072920/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12876
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12876
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12876
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	3,1	3,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	3,1	3,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục C)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	13,6	13,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	22	22%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12153
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12096
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12096
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12096
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12096
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12096
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12096
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	AJ!E12148
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	AJ!F12148

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12148
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12148
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12148
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12148
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	VJ!E12149
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	3	VJ!F12149
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	2	VJ!G12149
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12149
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12149
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12149
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12152
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12102
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12108
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12108
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12108
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12108
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12108
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12108
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12141
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12141
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12141
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12141
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12141
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12141
VCFTA	2022	2022	28	VC!D12186
VCFTA	2023	2023	28	VC!E12186

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	22	VC!F12186
VCFTA	2025	2025	22	VC!G12186
VCFTA	2026	2026	22	VC!H12186
VCFTA	2027	2027	22	VC!I12186
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12171
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12171
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12171
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12171
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12171
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12171
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D12171
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E12171
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F12171
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G12171
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H12171
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12171
EVFTA	2022	2022	15,6	EV-NK!D12188
EVFTA	2023	2023	12,5	EV-NK!E12188
EVFTA	2024	2024	9,3	EV-NK!F12188
EVFTA	2025	2025	6,2	EV-NK!G12188
EVFTA	2026	2026	3,1	EV-NK!H12188
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12188
UKVFTA	2022	2022	15,6	UKV!D12187
UKVFTA	2023	2023	12,5	UKV!E12187
UKVFTA	2024	2024	9,3	UKV!F12187
UKVFTA	2025	2025	6,2	UKV!G12187

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	3,1	UKV!H12187
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12187
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	13,5	CPTPP!D12134
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	10,1	CPTPP!E12134
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	6,7	CPTPP!F12134
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	3,3	CPTPP!G12134
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12134
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12134
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12134
RCEP A	2022	2022	22,5	RCEPT-A!D12171
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E12171
RCEP A	2024	2024	17,5	RCEPT-A!F12171
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G12171
RCEP A	2026	2026	12,5	RCEPT-A!H12171
RCEP A	2027	2027	10	RCEPT-A!I12171
RCEP B	2022	2022	22,5	B!D12171
RCEP B	2023	2023	20	B!E12171
RCEP B	2024	2024	17,5	B!F12171
RCEP B	2025	2025	15	B!G12171
RCEP B	2026	2026	12,5	B!H12171
RCEP B	2027	2027	10	B!I12171
RCEP C	2022	2022	22,5	C!D12171
RCEP C	2023	2023	20	C!E12171
RCEP C	2024	2024	17,5	C!F12171
RCEP C	2025	2025	15	C!G12171
RCEP C	2026	2026	12,5	C!H12171

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	10	C!I12171
RCEP D	2022	2022	22,7	D!D12170
RCEP D	2023	2023	20,5	D!E12170
RCEP D	2024	2024	18,2	D!F12170
RCEP D	2025	2025	15,9	D!G12170
RCEP D	2026	2026	13,6	D!H12170
RCEP D	2027	2027	11,4	D!I12170
RCEP E	2022	2022	22,5	E!D12174
RCEP E	2023	2023	20	E!E12174
RCEP E	2024	2024	17,5	E!F12174
RCEP E	2025	2025	15	E!G12174
RCEP E	2026	2026	12,5	E!H12174
RCEP E	2027	2027	10	E!I12174
RCEP F	2022	2022	22,5	F!D12171
RCEP F	2023	2023	20	F!E12171
RCEP F	2024	2024	17,5	F!F12171
RCEP F	2025	2025	15	F!G12171
RCEP F	2026	2026	12,5	F!H12171
RCEP F	2027	2027	10	F!I12171
VIFTA	2024	2024	21,4	VI!F11252
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G11252
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H11252
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I11252

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8407.29 có 2 dòng thuế; dòng 8407.29.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Công suất không quá 22,38 kW.	8407.29.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8407.29.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 8407.29.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12876), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.